

Bản án số: 344/2024/HS-ST
Ngày: 10/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Lương Thiện

2. Bà Phạm Thị Nguyệt Thu

- *Thư ký Tòa án:* Bà Nguyễn Thị Anh Thư – Thư ký Tòa án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Lê Duy Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 341/2024/TLST-HSST ngày 14 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 342/2024/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Đại T, sinh năm 1975 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: 62D/1, khu phố N, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Nơi cư trú: 62D/1, khu phố N, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Trần Ngọc T1**, sinh năm 1947 và bà **Lâm Thị Mỹ H**, sinh năm 1950; Gia đình bị cáo có 06 anh chị em, bị cáo là thứ năm trong gia đình; Họ tên vợ: **Nguyễn Thị Ngọc U**, sinh năm 1983; Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

- Bị hại: Ông **Trần Đ**, sinh năm 1970

Địa chỉ: **H khu phố N, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Đại T và ông **Trần Đ** (sinh năm 1970, ngụ tại **số H, khu phố N, phường H, thành phố B**) là hàng xóm và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 13/10/2023, bà **Nguyễn Thị Ngọc U** (sinh năm 1983, là vợ của **T**) đi ngang qua nhà ông **Đ** thì tình cờ nghe

được câu chửi của bà **Trần Thị Thùy L** (sinh năm 1972, là em gái ông **Đ**) chửi người bạn làm chung là “con đĩ chó này phiền phức quá”, cho rằng bà **L** chửi mình nên bà **U** đi về nhà kể cho **T** biết. Sau khi nghe vợ kể sự việc trên, **T** cầm theo 01 cây gỗ vuông (dài 80cm, kích thước 03cm x 03cm) cùng bà **U** đến nhà ông **Đ** gặp bà **L** để hỏi chuyện làm rõ sự việc bà **U** mới kể trên. Khi đến nơi, do đã thường xuyên có mâu thuẫn nên hai bên xảy ra cãi chửi nhau thì **T** cầm cây gỗ mang theo lao về phía bà **L** gây áp lực thì ông **Đ** từ trong nhà chạy đến dùng tay xiết cổ và vật **T** ngã ra nền đất làm cây gỗ văng ra chỗ khác rồi dùng tay đánh vào đầu **T** 02 cái thì **T** vùng dậy thoát ra được. Lúc này, **T** liền dùng tay phải nhặt lại cây gỗ trên đánh 01 cái trúng vào tay trái của ông **Đ** gây thương tích. Sau đó, bị ông **Đ** giật được cây gỗ thì **T** chạy về nhà cầm thêm 01 khúc cây (dài khoảng 60cm) tiếp tục đánh vào vai ông **Đ** nhưng do khúc cây mục nên bị gãy, sau đó được mọi người can ngăn nên **T** đi về. Ngày 14/10/2024, ông **Đ** đã làm đơn gửi **Công an phường H** yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, sau đó vụ việc được **Công an phường H** lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** khởi tố, điều tra xử lý.

Vật chứng thu giữ gồm:

* Vật chứng vụ án gồm: 01 cây gỗ vuông (dài 80cm, kích thước 03cm x 03cm) là hung khí **T** dùng để gây thương tích cho ông **Trần Đ**.

* Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0137/KLTTCT-TTPYĐN ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Trung tâm pháp y **Sở Y**, kết luận thương tích của ông **Trần Đ** như sau:

“1. Các kết quả chính:

- Sẹo mổ mặt sau 1/3 giữa cẳng tay trái kích thước 09x0,2cm. Tỷ lệ: 02%;
- Gãy thân xương trụ trái, còn dụng cụ kết hợp xương. Tỷ lệ: 10%;

2. Kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của **Trần Đ** – 1970 tại thời điểm giám định là **12% (Mười hai phần trăm)**. Vật gây thương tích: Vật tày”.

* Về trách nhiệm dân sự: Ông **Trần Đ** đã nhận tổng số tiền do bị cáo **T** bồi thường là 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*) và không có yêu cầu gì thêm.

Tại cáo trạng số 351/CT-VKSBBH ngày 12 tháng 6 năm 2024, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo **Trần Đại T**, về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội nêu tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự và tội danh nêu trên; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị hại có một phần lỗi; Bị cáo có nhân thân tốt (chưa có tiền án tiền sự), bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường cho bị hại và đã được bị hại làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhân thân tốt, vụ án xảy ra do bị hại có một phần lỗi, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

Về xử lý vật chứng trong vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tuyên tịch thu tiêu hủy 01 cây gỗ vuông (dài 80cm, kích thước 03cm x 03cm) là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho ông **Trần Đ** số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Ông **Trần Đ** không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi của ông **Trần Đ** dùng tay đánh 02 cái vào đầu **Trần Đại T** nhưng không gây thương tích. Bị cáo **T** có đơn không yêu cầu giám định tỷ lệ thương tích và không xử lý hình sự đối với ông **Đ** nên Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông **Đ** theo quy định của pháp luật.

Đối với bà **Nguyễn Thị Ngọc U** có mặt tại hiện trường xảy ra sự việc và có liên quan đến mâu thuẫn trước đó nhưng không biết mục đích, không bàn bạc và không tham gia cùng bị cáo **T** gây thương tích cho ông **Đ** nên Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** không xử lý là phù hợp,

Bị cáo **Trần Đại T** không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát và không có trình bày lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an thành phố B**, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

* Về thủ tục tố tụng: Bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt bị hại không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án do trong hồ sơ đã có đủ lời khai nên căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vắng mặt bị hại.

[2] Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và lời khai thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định như sau: Vào khoảng 10 giờ 00 phút, ngày 13 tháng 10 năm 2023, tại **số H, khu phố N, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**, **Trần Đại T** đã có hành vi sử dụng 01 cây gỗ vuông (dài 80cm, kích thước 03cm x 03cm) đánh trúng tay trái của ông **Trần Đ** gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là **12%** (mười hai phần trăm) thì bị khởi tố, điều tra xử lý. Do đó, đã có đủ căn cứ kết luận hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “*Cố ý gây thương tích*” được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Xét thấy, bị cáo và bị hại có mâu thuẫn với nhau, trong vụ án này bị hại cũng có một phần lỗi. Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường cho bị hại và đã được người bị hại làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ, bị cáo có nhân thân tốt nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do bị cáo **Trần Đại T** có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, bị hại cũng có một phần lỗi và bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng nên cần áp dụng Khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo **Trần Đại T** được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định là đủ tác dụng giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho ông **Trần Đ** số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Ông **Trần Đ** không yêu cầu bồi thường gì thêm.

[6] Về xử lý vật chứng trong vụ án: Tịch thu tiêu hủy 01 cây gỗ vuông (dài 80cm, kích thước 03cm x 03cm) là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi của ông **Trần Đ** dùng tay đánh 02 cái vào đầu **Trần Đại T** nhưng không gây thương tích. Bị cáo **T** có đơn không yêu cầu giám định tỷ lệ thương tích và không xử lý hình sự đối với ông **Đ** nên Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông **Đ** theo quy định của pháp luật.

Đối với bà **Nguyễn Thị Ngọc U** có mặt tại hiện trường xảy ra sự việc và có liên quan đến mâu thuẫn trước đó nhưng không biết mục đích, không bàn bạc và không tham gia cùng bị cáo **T** gây thương tích cho ông **Đ** nên Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** không xử lý là phù hợp,

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Tuyên bố bị cáo **Trần Đại T** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo **Trần Đại T**: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo **Trần Đại T** cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh **Đồng Nai** và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo **Trần Đại T** thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát và giáo dục bị cáo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.”

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 cây gỗ vuông (dài 80cm, kích thước 03cm x 03cm) là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. *(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa).*

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo **Trần Đại T** phải nộp 200.000 đồng *(hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày. Người có mặt thời hạn tính từ ngày tuyên án, người vắng mặt thời hạn tính từ ngày nhận bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa;
- Bộ phận T.H.A hình sự;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Hồng Ngọc